

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST

Ngày 07 - 02 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Ông Vũ Văn Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị T** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1971; Nơi sinh: Tại tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình U (đã chết) và con bà Phạm Thị O (đã chết); bị cáo không có chồng; bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/6/2021, cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn P** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 02/3/1993; Nơi sinh: Tại tỉnh Lai Châu; Nơi thường trú: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở trước ngày bị bắt: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và con bà Nguyễn Thị G - Sinh năm: 1955; bị cáo không có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/6/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lò Văn H** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 13/8/1985; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản G, xã T,

huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Pẩn (đã chết) và con bà Lò Thị S - Sinh năm: 1945; vợ Lò Thị T - Sinh năm: 1988; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/6/2021, sau đó bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lò Thị T - sinh năm: 1988; Địa chỉ: Bản G, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 15/6/2021, Lò Văn H gặp Nguyễn Thị T tại khu vực cổng Trung tâm điều trị Methadone thuộc tổ 06, phường Noong Bua, thành phố Đ. H hỏi mua của T 02 viên ma túy hồng phiến, mục đích để sử dụng. T đồng ý và sử dụng điện thoại Xiaomi Mimax2 của mình gọi vào điện thoại Nokia 8800 của Nguyễn Văn P đang ở nhà mình, bảo P lấy 02 viên hồng phiến để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long trên nóc chiếc loa ở phòng khách đưa cho H, nhưng không nói cho P biết việc bán ma túy cho H, P đồng ý. Sau đó T bảo H về nhà mình lấy ma túy. H lấy xe máy biển kiểm soát 27T1-037.79 của T (xe T mượn của bà Nguyễn Thị Tho) đến nhà T ở tổ 08, phường Noong Bua, đứng trước cổng gọi P. P lấy hai viên nén màu hồng là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,22 gam gói ngoài bằng nilon màu xanh như đề nghị và chỉ dẫn của T, cầm ra vớt vỏ bao thuốc lá, mở công đưa ma túy của T cho H. Nhận được ma túy, H quay lại cơ sở điều trị Methadone trả cho T 80.000 đồng, bị cáo H nhặt 01 mảnh nilon màu hồng và xé 01 mảnh giấy bạc màu vàng gói lại, cầm trong lòng bàn tay phải rồi điều khiển xe máy có gắn biển kiểm soát 27H1-3087 của mình đi đến cổng bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên thuộc khu vực tổ 10, phường Noong Bua, thành phố Đ đón người quen. Khi H vừa giấu gói ma túy vào trong dép dưới lòng bàn chân trái thì bị Cơ quan công an phát hiện, bắt người phạm tội quả tang thu giữ vật chứng. T khai số ma túy bán cho H, T có được do mua của người phụ nữ không quen biết ở đường thuộc bản Xôm, xã Thanh An, huyện Điện Biên với giá 50.000 đồng. Số tiền 80.000 đồng bán ma túy cho H, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận giám định số 690/GĐ-PC09 ngày 23/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: 02 mẫu viên nén màu hồng ký hiệu M1, M2 gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ M1: 0,11gam; M2: 0,11 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018;

Tại Bản cáo trạng số: 126/CT-VKSTPĐBP ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn P về tội “ Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lò Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c

khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 27 tháng đến 30 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 27 tháng tù.

Bị cáo Lò Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,15 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 mảnh nilon màu hồng; 02 mảnh nilon màu xanh.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện Thoại di động Xiaomi Mimax 2 của bị cáo Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA- 8800 của bị cáo Nguyễn Văn P;

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe, trả lại cho bà Lò Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy kiểu dáng wave màu sơn xanh, số máy VTHHH 152FMH010200, số khung VTHPCH0022A010200.

Tịch Thu sung ngân sách nhà nước (chưa thu) của bị cáo Nguyễn Thị T 80.000 đồng do phạm tội mà có.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T trình bày: Bà T và bị cáo là vợ chồng, chiếc xe máy kiểu dáng wave màu sơn xanh, số máy VTHHH 152FMH010200, số khung VTHPCH0022A010200 là tài sản chung của hai vợ chồng vì bà và bị cáo H mua trong thời kỳ hôn nhân, nguồn tiền để mua chiếc xe là do vợ chồng đi làm tích góp mà có. Thường ngày bị cáo H vẫn sử dụng chiếc xe làm P tiện đi lại, ngày 15/6/2021 bị cáo H sử dụng chiếc xe máy của vợ chồng bà để đi mua ma túy về sử dụng bà không biết. Bà T đề nghị HĐXX giải quyết chiếc xe theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đề nghị

HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Trưa ngày 15/6/2021, tại phường Noong Bua, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Thị T có hành vi bán trái phép 0,22 gam Methamphetamine cho Lò Văn H thu được 80.000 đồng. Nguyễn Văn P có hành vi giúp T đưa (vận chuyển trái phép) 0,22 gam Methamphetamine của T cho H nhưng P không biết việc T bán ma túy cho H và cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc vận chuyển trái phép chất ma túy. Lò Văn H có hành vi cất giấu trái phép 0,22 gam Methamphetamine trên người mục đích để sử dụng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Lò Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ ... trái phép chất ma túy. Bị cáo T vì lợi nhuận đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy; Bị cáo P cố ý thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy; Bị cáo H để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố và kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 27 tháng đến 30 tháng tù; Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 27 tháng tù; Bị cáo Lò Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo T còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự; bị cáo P còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 của Bộ luật hình sự; bị cáo H còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự tuy nhiên các bị cáo không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác: Đối với người phụ nữ, bị cáo T khai là người bán ma túy cho bị cáo, do không xác định được họ tên, địa chỉ của người này nên không đề cập xử lý trong vụ án.

[9] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,15 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 mảnh nilon màu hồng; 02 mảnh nilon màu xanh.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện Thoại di động Xiaomi Mimax 2 của bị cáo Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA- 8800 của bị cáo Nguyễn Văn P do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền 80.000 đồng, là tiền mà bị cáo T bán ma túy cho bị cáo H mà có, bị cáo T đã chi tiêu hết. Xét thấy, đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch Thu sung ngân sách nhà nước (chưa thu).

Đối với chiếc xe máy kiểu dáng wave màu sơn xanh, số máy VTHHH 152FMH010200, số khung VTHPCH0022A010200, xe cũ nát bị hư hỏng và mất nhiều phần (không kiểm tra chất lượng hoạt động của xe) kèm theo 01 chìa khóa xe, Cơ quan công an tạm giữ của bị cáo Lò Văn H. Chiếc xe có nguồn gốc bị cáo H và vợ là bà Lò Thị T mua của bị cáo Nguyễn Thị T, khi mua không làm hợp đồng mua bán chỉ thỏa thuận miệng với nhau, chiếc xe mua trong thời kỳ hôn nhân. Qua xác minh chiếc xe không có đăng ký, quản lý P tiện giao thông đường bộ, không là vật chứng của vụ án nào khác. Ngày 15/6/2021, bị cáo H sử dụng vào việc đi mua ma túy về sử dụng, bà T không biết nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: ½ giá trị chiếc xe mô tô kèm chìa khóa; Trả lại cho bà Lò Thị T ½ giá trị chiếc xe.

Qua xác minh, chiếc biển số 27H1-3087, chủ xe là Lường Văn Thành, địa chỉ: Tà Cáng 2, Nà Tấu, Điện Biên mà không phải là biển kiểm soát của chiếc xe thu giữ của bị cáo H. Cơ quan công an đã xác minh nhưng ông Lường Văn Thành không có mặt tại địa P nên chưa có căn cứ để xử lý, do vậy cơ quan công an giữ lại, xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 27T1-037.79 bị cáo T bảo bị cáo cáo H sử dụng để đến nhà T lấy ma túy là xe của bà Nguyễn Thị Tho, bà Tho cho bị cáo T mượn làm P tiện đi lại, bà Tho không biết bị cáo T sử dụng chiếc xe vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan công an đã trả lại chiếc xe cho bà Nguyễn Thị Tho là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 18/6/2021).

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 02 (hai) năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 18/6/2021).

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 15/6/2021).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,15 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 mảnh nilon màu hồng; 02 mảnh nilon màu xanh.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện Thoại di động Xiaomi Mimax 2 của bị cáo Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA- 8800 của bị cáo Nguyễn Văn P;

Tịch Thu (chưa thu) của bị cáo Nguyễn Thị T 80.000 đồng.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: ½ giá trị chiếc xe máy kiểu dáng wave màu sơn xanh, số máy VTHHH 152FMH010200, số khung VTHPCH0022A010200. Xe cũ nát bị hư hỏng và mất nhiều phần (không kiểm tra chất lượng hoạt động của xe) kèm theo 01 chìa khóa xe (không có đăng ký xe).

Trả lại cho bà Lò Thị T: ½ giá trị chiếc xe máy kiểu dáng wave màu sơn xanh, số máy VTHHH 152FMH010200, số khung VTHPCH0022A010200.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/10/2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/01/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

